TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 30.5.2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thụy Thúy Ân – Phó trưởng phòng Kinh tế, thị xã Bình Minh.

2. Ông Sơn Mứt – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Võ Thanh Sang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Văn H1, sinh năm: 1961

Nơi cư trú: Tổ A, khóm B, phường C, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Văn H1: Bà Phạm Diễm T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ Đ, khóm E, phường C, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long. (Theo giấy ủy quyền ngày 01/12/2021) - Có mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1949

Nơi cư trú: Tổ F, ấp G, xã H, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long - Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1966 (Con bà Đ); Nơi cư trú: Ấp J, xã K, huyện L, tỉnh Vĩnh Long – Có đơn xin vắng mặt, đề ngày 21/03/2023;

3.2. Bà Hồ Thị V, sinh năm 1973 (Con bà Đ); Nơi cư trú: Ấp G, xã H, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long – Có đơn xin vắng mặt, đề ngày 21/03/2023;

3.3. Ông Hồ Văn A, sinh năm 1974 (Con bà Đ); Nơi cư trú: Ấp G, xã H, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Ông Hồ Văn C, sinh năm 1982 (Con bà Đ); Nơi cư trú: Ấp G, xã H, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long – Có đơn xin vắng mặt, đề ngày 21/03/2023;

3.5. Ông Hồ Văn H3, sinh năm 1971 (Con bà Đ);

3.5. Bà Bùi Thị C, sinh năm 1970 (vợ ông H3)

Cùng cư trú: Ấp X, xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Long – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn ông Lương Văn H1 có người đại diện bà Phạm Diễm T đại diện trình bày:

Ông Lương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Đ cùng chồng ông Hồ Văn L do chỗ quen biết nhau nên ngày 13/11/2018 bà Nguyễn Thị Đ với ông Hồ Văn L có hỏi vay của ông H1 số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay 03 tháng có làm hợp đồng thế chấp tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Vĩnh Long vào ngày 13/11/2018 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.841,5m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp N, xã M, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị Đ và ông Hồ Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2020 ông Hồ Văn L (chết). Từ thời gian vay cho đến nay, bà Nguyễn Thị Đ, ông Hồ Văn L không đóng lãi cho ông H1 và cũng không thanh toán vốn như đã thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền nêu trên, ông H1 có liên hệ nhiều lần nhưng bà Đ cứ hẹn lần, hẹn lượt không trả tiền cho ông H1. Về lãi suất: Ông Lương Văn H1 tạm tính phần tiền lãi suất từ ngày 13/11/2018 đến ngày 13/12/2021 là 37 tháng x số tiền vốn là 200.000.000đồng x mức lãi suất là 1% = 74.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng chung vốn và lãi là 274.000.000 đồng.

Nay ông Lương Văn H1 yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Lương Văn H1 số tiền vốn và lãi là 274.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu đồng) và yêu cầu tính lãi tiếp tục cho đến khi Bản án

sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Sau khi, bà Nguyễn Thị Đ trả đủ số tiền cho ông H1 thì ông H1 đồng ý trả lại cho bà Đ 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp lập ngày 13/11/2018 tại Văn phòng Công chứng số 2.

Tại bản khai đề ngày 06/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Nguyễn Thị Đtrình bày:

Vào năm 2018, bà Đ và chồng bà ông Hồ Văn L có cho con trai Hồ Văn H3 và con dâu Bùi Thị C mượn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.841,5m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện Z, Tỉnh Vĩnh Long do ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền 200.000.000 đồng của ông H1. Sau khi vay của ông H1 số tiền 200.000.000 đồng bà Đ và ông L hoàn toàn không nhận bất cứ khoản tiền nào mà giao lại cho con trai Hồ Văn H3 và con dâu Bùi Thị C nhận.

Bà Nguyễn Thị Đ cho rằng số tiền 200.000.000 đồng là số tiền ông bà vay giùm con trai và con dâu, cho nên bà Nguyễn Thị Đ không đồng ý theo yêu cầu của ông Lương Văn H1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền nợ là 274.000.000đồng (trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng và nợ lãi là 74.000.000đồng).

Qúa trình giải quyết vụ án, có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn A trình bày:

Nguyên trước đây, ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C cùng cư trú ở Ấp X, xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Long là anh ruột và chị dâu của ông A có mượn của cha mẹ ông A 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hồ Văn L cha ruột đứng tên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 4.207 m^2, địa chỉ tại tổ 07, ấp G, xã H, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long, ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C đã mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Đ là mẹ ruột để vay thế chấp tại Ngân hàng OCP chi nhánh huyện S. Sau khi vay tiền thì ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C đã bỏ mặc không trả khoản vay cho ngân hàng nên hiện tại Ngân hàng đã phát mãi bán hết tài sản thế chấp của cha mẹ ông A để trả nợ.

Sau đó, ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C lại mượn tiếp phần đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.841,5m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước

tọa lạc ấp N, xã M, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông L chết vào năm 2020) để đi vay của ông Lương Văn H1 số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền này ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C là người nhận tiền, ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị Đ là cha mẹ ông A hoàn toàn không có nhận số tiền nào trong số tiền vay 200.000.000đồng của ông H1. Do ông H3 và bà C mất khả năng thanh toán tiền vay cho ông H1 nên ông H1 mới kiện buộc bà Đ là mẹ ông có trách nhiệm trả nợ cho ông H1.

Vì vậy, ông A yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã D giải quyết buộc ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C phải có trách nhiệm trả cho ông Lương Văn H1 số tiền 274.000.000đồng (trong đó gốc là 200.000.000đồng và lãi là 74.000.000đồng) cho đến khi hết nợ. Đồng thời, ông A yêu cầu ông H3 và bà C phải có trách nhiệm trả lại cho mẹ ông là bà Nguyễn Thị Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 76, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.841,5m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp N, xã M, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay trên đất có 01 căn nhà tạm để giữ lại cho mẹ ông A sống đến cuối đời. Vì hiện tại căn nhà Liệt sĩ của cha kế ông A, vợ chồng ông H3 và bà C cũng đã mượn bán luôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Nguyên đơn ông Lương Văn H1 và người đại diện có bà Phạm Diễm T trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn H1 về việc yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Lương Văn H1 số tiền vốn và lãi là 274.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu đồng) và yêu cầu tính lãi tiếp tục cho đến khi Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Sau khi, bà Nguyễn Thị Đ trả đủ số tiền cho ông H1 thì ông H1 đồng ý trả lại cho bà 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp lập ngày 13/11/2018 tại Văn phòng Công chứng số 2. Ngoài ra ông H1không có yêu cầu gì khác.

- Ông Lương Văn H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thống nhất với lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đ cho rằng số tiền 200.000.000 đồng là số tiền bà vay giùm con trai và con dâu nên tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Đ không đồng ý theo yêu cầu của ông Lương Văn H1 yêu cầu bà trả số tiền nợ là

274.000.000đồng (trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng và nợ lãi là 74.000.000đồng). Bà Đ yêu cầu con trai ông Hồ Văn H3 và con dâu bà Bùi Thị C phải có trách nhiệm trả cho ông Lương Văn H1 số tiền nợ là 274.000.000đồng cho đến khi hết nợ đồng thời bà yêu cầu con trai bà ông Hồ Văn H3 và con dâu bà Bùi Thị C trả lại cho bà 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.841,5m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp N, xã M, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị Đ vào ông Hồ Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lương Văn H1 có bà Phạm Diễm T làm đại diện theo ủy quyền nộp bảng tự khai bổ sung, đề ngày 30/5/2023.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có nơi cư trú tại tổ 01, ấp G, xã H, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Xét những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H2, bà Hồ Thị V và ông Hồ Văn C, đã được Tòa án tống đạt thông báo việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nêu trên đúng theo quy định pháp luật nhưng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và xét xử của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh. Riêng ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông Lương Văn H1 xác nhận vào ngày 13/11/2018, bà Nguyễn Thị Đ cùng chồng ông Hồ Văn L (ông L chết vào năm 2020) do chỗ quen biết nhau nên bà Nguyễn Thị Đ và ông Hồ Văn L có hỏi vay của ông H1 số tiền là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay 03 tháng. Để làm niềm tin giữa ông H1 và vợ chồng bà Đ, ông L có làm hợp đồng thế chấp tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Vĩnh Long vào ngày 13/11/2018 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.841,5m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp N, xã M, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị Đ và ông Hồ Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, từ thời gian vay cho đến nay, bà Nguyễn Thị Đ, ông Hồ Văn L không đóng lãi cho ông H1 và cũng không thanh toán vốn như đã thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền nêu trên, ông H1 có liên hệ nhiều lần nhưng ông bà nhiều lần thất hẹn không trả số tiền trên cho ông H1.

Vì vậy, ông Lương Văn H1 khởi kiện yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Lương Văn H1 số tiền vốn 200.000.000đồng và ông H1 có bảng khai bổ sung vào ngày 30/5/2023 tạm tính phần lãi suất từ ngày 13/11/2018 đến ngày 30/5/2023 (dl) với mức lãi suất 1%/tháng x 200.00.000đồng x 54 tháng 17 ngày = 109.133.000đồng. Như vậy tổng cộng vốn và lãi là: 309.133.000đồng. Ngoài ra còn yêu cầu tính lãi tiếp tục cho đến khi Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Sau khi, bà Nguyễn Thị Đ trả đủ số tiền cho ông H1 thì ông H1 đồng ý trả lại cho bà Đ 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp lập ngày 13/11/2018 tại Văn phòng Công chứng số 2.

Còn bà Nguyễn Thị Đ xác nhận tại Tòa hôm nay số tiền 200.000.000đồng là số tiền bà vay giùm con trai và con dâu nên tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Đ không đồng ý theo yêu cầu của ông Lương Văn H1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền vốn và lãi là 309.133.000đồng. Bà Đ yêu cầu con trai bà ông Hồ Văn H3 và con dâu bà Bùi Thị C phải có trách nhiệm trả cho ông Lương Văn H1 số tiền nợ là 309.133.000đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời bà Đ yêu cầu con trai bà ông Hồ Văn H3 và con dâu bà Bùi Thị C trả lại cho bà 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.841,5m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp N, xã M, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị Đ vào ông Hồ Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn có xuất trình chứng cứ là "Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 13/11/2018" đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CN 356177, số vào sổ cấp GCN: CS 11002 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 20/7/2018 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.841,5m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp N, xã M, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị Đ và ông Hồ Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng được lập tại Văn phòng Công chứng số 2 và có chữ ký của các bên trong hợp đồng gồm ông Hồ Văn Lù, bà Nguyễn Thị Đ, ông Lương Văn H1 với số tiền thế chấp là 200.000.000đồng. Như vậy, việc ông L và bà Đ có thế chấp quyền thửa đất số 76 cho ông H1 để nhận số tiền 200.000.000đồng là đúng sự thật đã được Văn phòng Công chứng số 2 xác nhận bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 13/11/2018 nên đây là chứng cứ chứng minh xác thực việc ông Lù và bà Đ có nhận số tiền vay 200.000.000đồng và thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 76 cho ông Lương Văn H1.

Mặc dù phía bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và các người con của bà đều xác nhận bà Đ và ông L vay 200.000.000đồng và thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 76 là cho con trai bà Đ là ông Hồ Văn H3 và con dâu Bùi Thị C nhưng bà các người con không đưa ra chứng cứ nào chứng minh là có việc ông H3 và bà C có nhờ ông L và bà Đ vay số tiền 200.000.000đồng bằng việc thế chấp thửa đất số 76 của ông L và bà Đ. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án ông Lương Văn H1 cũng không xác nhận việc ông L và bà Đ vay tiền giùm cho ông H3 và bà C nên không có cơ sở chấp nhận việc bà Đ yêu cầu ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C phải có trách nhiệm trả cho ông Lương Văn H1 số tiền vốn và lãi là 309.133.000đồng cho đến khi hết nợ, mà dành cho bà Đ một vụ kiện khác đối với ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C khi bà Đ có yêu cầu. Do đó, không có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ.

Xét yêu cầu của ông Lương Văn H1 là phù hợp nên được chấp nhận.

Xét tiền lãi, Nguyên đơn ông Lương Văn H1 yêu cầu tạm tính từ ngày 13/11/2018 đến ngày 30/5/2023 (dl) với mức lãi suất 1%/ tháng x 200.000.000 đồng x 54 tháng 17 ngày = 109.133.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Như vậy tổng số tiền vốn và lãi là: 309.133.000đồng.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Lương Văn H1 có căn cứ pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Lương Văn H1 số tiền vốn và lãi là 309.133.000đồng (Ba trăm lẽ chín triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi tiếp tục cho đến khi Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra ông Lương Văn H1 đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp lập ngày 13/11/2018 tại Văn phòng Công chứng số 2, khi bà Nguyễn Thị Đ trả đủ số tiền cho ông Lương Văn H1.

Dành cho bà Nguyễn Thị Đ một vụ kiện khác đối với ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C khi bà Nguyễn Thị Đ có yêu cầu.

[4] Theo quy định tại Điều 10 Luật trợ giúp pháp lý và Điều 2 của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP, ngày 12/01/2007 thì ông Lương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Đ là người già từ đủ 60 tuổi trở là được quyền hưởng trợ giúp pháp lý. Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long có giải thích và hướng dẫn tiếp cận thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, nhưng ông H1 và bà Đ không có yêu cầu quyền được trợ giúp pháp lý. Được thể hiện tại biên bản vào ngày 06/01/2022. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H2, bà Hồ Thị V, ông Hồ Văn C, ông Hồ Văn A, ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C, không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án nêu trên. Do vậy Hội đồng xét không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm (tính theo giá ngạch)

6.1. Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu của Nguyên đơn là ông Lương Văn H1 được chấp nhận. Được tính như sau: 309.133.000đồng x 5% = 15.456.600đồng. Như vậy bà Nguyễn Thị Đ phải nộp số tiền là: 15.456.600đồng. Nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/BUTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án. Phía bà Nguyễn Thị Đ đã nộp hồ sơ đề nghị xin miễn, giảm tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/BUTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị Đ là đúng theo quy định pháp luật.

6.2. Do ông Lương Văn H1 là người cao tuổi (trên 60 tuổi) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Tòa án nên ông Hiền thuộc trường hợp được miễn án phí vì vậy Hội đồng xét xử không thực hiện việc hoàn trả án phí cho ông Lương Văn H1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 469 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn H1.

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Lương Văn H1 số tiền vốn và lãi là: 309.133.000đồng (Ba trăm lẽ chín triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng). Ngoài ra ông Lương Văn H1 đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp lập ngày 13/11/2018 tại Văn phòng Công chứng số 2, khi bà Nguyễn Thị Đ trả đủ số tiền nêu trên cho ông Lương Văn H1

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn ông Lương Văn H1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn bà Nguyễn Thị Đ chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

1.3. Dành cho bà Nguyễn Thị Đ một vụ kiện khác đối với ông Hồ Văn H3 và bà Bùi Thị C khi bà Nguyễn Thị Đ có yêu cầu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 15.456.600đồng (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm đồng). Nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/BUTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án.

2.2. Do ông Lương Văn H1 là người cao tuổi (trên 60 tuổi) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Tòa án nên ông H1 thuộc trường hợp được miễn án phí vì vậy Hội đồng xét xử không thực hiện việc hoàn trả án phí cho ông Lương Văn H1.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. **Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn ông Lương Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với các đương sự vắng mặt khi Hội đồng xét xử tuyên án bà Nguyễn Thị Đ, ông Hồ Văn A và các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Đương sự: 08.
- Lưu: 04

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Sương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Mứt **Nguyễn Thụy Thúy Ân** **Nguyễn Thị Tuyết Sương**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Đương sự: 08.
- Lưu: 04

Nguyễn Thị Tuyết Sương